TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2025
V/v tranh chấp về Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Diệu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Hoàng Văn Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Ngọc Y**, sinh năm 19xx;

- *Bị đơn:* Anh **Giang Văn T**, sinh năm 19xx;

Đều có địa chỉ: Thôn S, xã T, tỉnh Hưng Yên.

(Chị Y và anh T đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn là chị Vũ Ngọc Y trình bày:*

Chị và anh Giang Văn T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Nay là UBND xã T, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 19/11/2024. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường tại gia đình nhà anh T ở xã Thái Thượng được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không hiểu và thông cảm

cho nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên tranh cãi, không có hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên khuyên bảo động viên nhưng vợ chồng không có Tg nói chung nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tháng 9/2025 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở cùng xã để sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể trở lại đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Chị và anh T có 01 con chung là Giang Văn Xuân K, sinh ngày 04/7/20xx, hiện con chung đang ở cùng chị. Chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

** Tại biên bản lấy lời khai của ông Giang Văn T, sinh năm 19xx*; Trú tại: Thôn S, xã T, tỉnh Hưng Yên là bố đẻ của anh Giang Văn T, nội dung lời khai của ông Tú xác nhận chị Y và anh T tự nguyện kết hôn được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và anh chị đăng ký kết hôn vào năm 2024. Sau khi kết hôn quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn do chị Y không chịu làm ăn, gia đình ông có dạy bảo chị Y thì bố mẹ chị Y bênh chị Y. Tháng 9/2025, chị Y đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị Y để sinh sống, anh T có khuyên bảo nhưng chị Y không quay về chung sống cùng anh T nữa. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn nên gửi đơn xin ly hôn, anh T đã biết việc chị Y ly hôn nhưng anh T có nói quan điểm là tuỳ chị Y giải quyết đơn phương. Hiện nay anh T đang ở cùng gia đình ông nhưng anh T đang đi làm Công ty sáng đi tối về nên không đến Toà làm việc. Chị Y và anh T có 01 con chung là Giang Văn Xuân K, sinh ngày 04/7/20xx, hiện nay cháu đang ở cùng chị Y, do cháu Khánh chưa đủ 36 tháng tuổi nên anh T để cho chị Y nuôi con, chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con thì anh T cũng đồng ý. Chị Y và anh T không có tài sản chung và nợ chung. Toà án đã gửi văn bản cho anh T qua đường bưu điện, anh T biết văn bản của Tòa án gửi và biết việc chị Y xin ly hôn nhưng anh T và gia đình từ chối nhận văn bản. Khi Tòa án đến gia đình nhà anh T để giao văn bản tố tụng thì anh T đi làm ở công ty không có mặt ở nhà nên cán bộ Toà án giao văn bản cho ông Tú, ông Tú nhận văn bản và đồng ý giao lại cho anh T nhưng ông Tú từ chối ký biên bản giao nhận của Tòa án.

** Tại biên bản xác minh ở địa phương ngày 24/10/2025, đại diện chính quyền xã T, tỉnh Hưng Yên cung cấp:* Anh Giang Văn T có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Hưng Yên. Chị Y và anh T tự nguyện kết hôn tại UBND xã T, huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình (Nay là xã T, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 19/11/2024. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Y và anh T do tính tình không hợp và mâu thuẫn giữa chị Y với gia đình anh T không hoà hợp, ngoài ra còn nguyên nhân nào khác địa phương không nắm rõ, chỉ thấy sau khi kết hôn chị Y và anh T chung sống với nhau ở nhà anh T sau đó đến khoảng giữa tháng 9/2025 đến nay không thấy anh chị chung sống cùng nhau ở nhà anh T nữa mà đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở cùng xã để sinh sống, vợ

chồng anh chị đã sống ly thân. Anh T vẫn có nơi cư trú ở xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên, anh T làm ở khu công nghiệp Liên Hà Thái, tối vẫn về nhà. Khi Toà án cùng đại diện địa phương đến nhà anh T làm việc, anh T không có ở nhà, trước sự chứng kiến của bố mẹ anh T, Toà án liên hệ với anh T qua điện thoại thì anh T nói anh T đã biết việc chị Y xin ly hôn nhưng anh không đến Toà án việc, Toà án cứ giải quyết ly hôn theo yêu cầu đơn phương của chị Y. Chị Y và anh T có 01 con chung là Giang Văn Xuân K, sinh ngày 04/7/20xx, từ tháng 9/2025 chị Y đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, đề nghị Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật về việc giao con chung chưa đủ 36 tháng tuổi để giải quyết giao con chung. Về tài sản chung: Địa phương không nắm rõ, không thấy cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào ý kiến về việc anh chị vay nợ. Cán bộ Toà án đến nhà anh T để giao văn bản tố tụng nhưng anh T đi làm ở công ty không có mặt ở nhà nên cán bộ Toà án giao văn bản cho ông Giang Văn Tú là bố đẻ anh T, ông Tú nhận và đồng ý giao lại cho anh T nhưng ông Tú từ chối ký biên bản giao nhận. Đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày là từ bỏ quyền của mình.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án xử cho chị Vũ Ngọc Y được ly hôn anh Giang Văn T; giao cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Giang Văn Xuân K, sinh ngày 04/7/20xx, chấp nhận việc chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; chị Y không yêu cầu chia tài sản nên không giải quyết; chị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng:* Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Vũ Ngọc Y có đơn xin xét xử vắng mặt, còn anh Giang Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Y và anh T.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- Về yêu cầu ly hôn: Chị Y và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Nay là UBND xã T, tỉnh Hưng Yên) và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 19/11/2024, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay chị Y yêu cầu ly hôn anh T, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù anh T không đến Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y nhưng qua xác minh tại địa phương và lời khai của chị Y cho thấy: Trong quá trình chung sống, do vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, bất đồng quan điểm sống, không có Tg nói chung nên giữa chị Y và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2025 đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt và không có bất kỳ động thái nào thể hiện mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị Y và anh T không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y, xử cho chị Y được ly hôn anh T là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về yêu cầu nuôi con khi ly hôn: Hội đồng xét xử thấy, hiện nay con chung của chị Y và anh T là cháu Giang Văn Xuân K, sinh ngày 04/7/20xx đang sống cùng chị Y, chị Y yêu cầu Tòa án tiếp tục giao con chung cho chị nuôi dưỡng vì con dưới 36 tháng tuổi và chị có đủ điều kiện nuôi nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Y và ghi nhận việc chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án chia tài sản khi ly hôn, anh T không có ý kiến gì về tài sản, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về tài sản trong vụ án này.

[3] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Ngọc Y được ly hôn anh Giang Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Ngọc Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung Giang Văn Xuân K, sinh ngày 04/7/20xx. Anh Giang Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Y và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Vũ Ngọc Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001651 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên sang tiền án phí, chị Y đã thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND khu vực 7 - Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã T;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Thị Diệu Thúy